



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

PETAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN NGẠ QUỶ

2. 8.

247. Naggo kiso pabbajitosi bhante,
rattim̐ kuhim̐ gacchasi kissa hetu,¹
ācikkha me taṃ api sakkuṇemu
sabbena vittaṃ paṭipādaye tuvaṃ.²
248. Bārāṇasīnagaraṃ dūraghuṭṭhaṃ
tathāhaṃ gahapati aḍḍhako dīno,³
adātā gedhitamano āmisasmim̐
dussilyena yamavisayamhi patto.
249. So sūcikāya kilamito tehi
teneva ñātisu⁴ yāmi āmisahetuṃ,⁵
adānasīlā na ca saddahanti
dānaphalaṃ⁶ hoti paramhi loke.
250. Dhītā ca mayhaṃ lapate abhikkhaṇaṃ
dassāmi dānaṃ pitunaṃ⁷ pitāmahānaṃ,
upakkhaṭaṃ⁸ parivisayanti brāhmaṇe⁹
yāmyahaṃ¹⁰ andhakavindaṃ bhottuṃ.¹¹
251. Tamavoca rājā anubhaviyāna¹² tampi
eyyāsi khippaṃ ahampi karissaṃ¹³ pūjaṃ,
ācikkha me taṃ yadi atthi hetu
saddhāyitaṃ hetuvaco suṇomi.¹⁴

¹ kiñcakkha hetu - katthaci.

² tuvan ti - Ma, Syā, PTS.

³ aḍḍhako ahu dinno - Syā.

⁴ ñātisu - PTS.

⁵ āmisakiñcikkahetu - Ma;
āmisakiñcihetuṃ - Syā, PTS.

⁶ dānaṃ phalaṃ - Syā.

⁷ pitūnaṃ - Ma; pitunnaṃ - Syā, PTS.

⁸ tamupakkhaṭaṃ - Ma; upaṭṭhitaṃ - Syā.

⁹ brāhmaṇā - Ma, Syā.

¹⁰ yāmi ahaṃ - Ma; yāmihaṃ - Syā.

¹¹ bhottun ti - Ma; bhuttuṃ - Syā.

¹² tavamanubhaviyāna - Syā.

¹³ kassaṃ - Ma; karissa - Syā.

¹⁴ suṇomā ti - Ma; suṇoma - Syā.

2. 8.

247. “Thưa ngài, ngài là vị xuất gia, lỏa lồ, ốm o. Ban đêm ngài đi đâu? Với lý do của việc gì? Xin ngài hãy nói với trăm điều ấy, chúng tôi cũng có khả năng; trăm có thể chu cấp cho ngài của cải cùng với mọi thứ.”¹

248. “Thành phố Bārāṇasī là được tiếng vang đồn xa. Ở tại nơi ấy, tôi là người gia chủ giàu có, bần xin, không bố thí, có tâm ham muốn về vật chất. Do bản tính xấu xa, tôi đã đi đến lãnh vực của Dạ-ma.

249. Vì những việc ấy, tôi đây bị khổ nhọc vì sự châm chích (bởi đói). Chính vì điều ấy, tôi đi đến nơi các thân quyến vì nguyên nhân vật thực. Nhưng họ không có bản tính bố thí, và không tin là có quả báu của sự bố thí trong đời sau.

250. Còn người con gái của tôi thường xuyên nói rằng: ‘Con sẽ dâng cúng vật thí đến các bậc cha ông.’ Họ đang cung phụng vật đã được chuẩn bị đến các vị Bà-la-môn, tôi đi đến Andhakavinda để thọ hưởng.”

251. Đức vua đã nói với vong nhân ấy rằng: ‘Sau khi hưởng thụ vật ấy xong, ngài nên mau mau trở lại; trăm cũng sẽ thực hiện việc cúng dường. Nếu có nguyên do, xin ngài hãy nói điều ấy với trăm. Trăm lắng nghe lời nói về nguyên do đáng được tin tưởng.’

¹ Đức vua Ajātasattu nhìn thấy vong nhân này vào ban đêm, lỏa lồ, không có tóc, tưởng là vị sa-môn, nên đã hỏi như thế (PvA. 105).

252. Tathāti vatvā agamāsi tattha
bhuñjimsu bhattaṃ na ca pana¹ dakkhiṇārahā,
paccāgami² rājagahaṃ punāparaṃ
pāturahosi purato janādhipassa.

253. Disvāna petaṃ punareva³ āgataṃ
rājā avoca ahampi⁴ kiṃ dadāmi,
ācikkha me taṃ yadi atthi hetu
yena tuvaṃ cirataraṃ piṇito siyā 'ti.⁵

254. Buddhañca saṅghaṃ parivisiyāna rāja
annena pānenapi⁶ cīvarena,
taṃ dakkhiṇaṃ ādisa me hitāya
evaṃ ahaṃ cirataraṃ piṇito siyā.⁷

255. Tato ca rājā nipatitva⁸ tāvade⁹
dānaṃ sahatthā atulaṃ daditvā¹⁰ saṅghe,
ārocayī pakatiṃ¹¹ tathāgatassa
tassa ca¹² petassa dakkhiṇaṃ¹³ ādisittha.

256. So pūjito ativiya sobhamāno
pāturahosi purato janādhipassa,
yakkhohamasmi¹⁴ parimiddhippatto
na mayhamiddhisamasadisā¹⁵ manussā.¹⁶

257. Passānubhāvaṃ aparimitaṃ mamedam¹⁷
tayānuddiṭṭhaṃ atulaṃ daditvā¹⁸ saṅghe,
santappito satataṃ sadā bahūhi
yāmyahaṃ¹⁹ sukhito manussadevā 'ti.

Cullasetṭhi²⁰ petavatthu aṭṭhamaṃ.

BHĀṆAVĀRAM PAṬHAMAM.

¹ na ca - Ma; na - Syā.

² pacchā gamī - Syā.

³ punadeva - Ma, Syā.

⁴ ahamapi - Ma, PTS.

⁵ siyā - Syā, PTS.

⁶ pānena ca - Ma.

⁷ siyā ti - Ma.

⁸ nipatitvā - Ma, Syā.

⁹ tāvadeva - Syā.

¹⁰ atulañca datvā - Syā.

¹¹ ārocesi pakataṃ - Ma.

¹² tassa ca - itipāṭho Syā natthi.

¹³ padakkhiṇaṃ - Syā.

¹⁴ yakkhohamasmiṃ - Syā.

¹⁵ na mayhamatthi samā sadisā - Ma.

¹⁶ mānusā - Ma, PTS.

¹⁷ mamayidaṃ - Ma, Syā.

¹⁸ datvā - Ma.

¹⁹ yāmi ahaṃ - Ma, Syā, PTS.

²⁰ cūlasetṭhi - Ma, Syā, PTS.

252. Sau khi nói rằng: ‘Như vậy đi,’ vong nhân ấy đã đi đến nơi ấy. Các vị Bà-la-môn đã thọ dụng bữa ăn, tuy nhiên họ không xứng đáng với sự cúng dường. Vong nhân ấy đã quay trở lại Rājagaha lần nữa, rồi đã hiện ra phía trước vị lãnh đạo dân chúng.

253. Sau khi nhìn thấy vong nhân đã đi đến thêm lần nữa, đức vua đã nói rằng: ‘Trẫm bố thí vật gì đây? Nếu có nguyên do, xin ngài hãy nói điều ấy với trẫm, nhờ đó ngài có thể được thỏa mãn lâu dài.’

254. ‘Thưa đức vua, sau khi cung phụng đức Phật và hội chúng bằng cơm ăn, luôn cả nước uống, và y phục, ngài hãy chỉ định sự cúng dường ấy nhằm sự lợi ích cho tôi; như vậy tôi có thể được thỏa mãn lâu dài.’

255. Vì thế, liền khi ấy đức vua đã đi xuống. Sau khi đã tự tay dâng cúng vật thí vô song đến Hội Chúng, đức vua đã thuật lại sự việc đến đức Thế Tôn và đã chỉ định sự cúng dường đến vong nhân ấy.

256. Được cúng dường, vong nhân ấy đã hiện ra phía trước vị lãnh đạo dân chúng, chói sáng vô cùng (nói rằng): ‘Tôi trở thành vị Dạ-xoa, đạt được thần thông tối thắng; các người nhân loại không tương đương hay sánh bằng thần thông của tôi.’

257. Xin đức vua hãy nhìn xem năng lực vô lượng này của tôi do ngài đã chỉ định sau khi dâng cúng vật vô song đến hội chúng; tôi được toại ý thường xuyên và mãi mãi nhờ vào nhiều (vật thí của ngài). Thưa vị chúa của loài người, được hạnh phúc, tôi xin ra đi.”

Chuyện Vong Nhân Cullasetṭhi là thứ tám.

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT.